

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 40/2024/DS-ST
Ngày: 30/8/2024
V/v “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hùng.
Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Đoàn Văn Lược;
- Ông Bồ Quốc Khánh.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trường Phúc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trương Anh Tú- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 116/2024/TLST-DS ngày 05 tháng 6 năm 2024 về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2024/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị N, sinh năm 1983. Địa chỉ: Khu phố D, thị trấn T, huyện B, tỉnh Bình Dương;

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Việt T, sinh năm 1990; địa chỉ: Tổ D, khu phố D, phường U, thành phố T, tỉnh Bình Dương (Văn bản ủy quyền ngày 15/5/2024); Có đơn xin vắng mặt.

- *Bị đơn:* Bà Bùi Thị Kim T1, sinh năm 1981. địa chỉ: Tổ A, khu phố A, Thị trấn T, huyện B, tỉnh Bình Dương; Có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 16/5/2024, nguyên đơn bà Lê Thị N và người đại diện hợp pháp ông Nguyễn Việt T (Có đơn xin vắng mặt ngày 30/8/2024), trình bày:

Do có quan hệ quen biết và cần vốn làm ăn nên ngày 10/8/2023, bà Bùi Thị Kim T1 có vay của bà Lê Thị N số tiền 280.000.000 đồng (Hai trăm tám mươi triệu đồng), hai bên thỏa thuận mức lãi suất là 1,5%/tháng, thời gian vay là 02 tháng, đến ngày 10/10/2023 thì bà T1 phải trả lại đủ số tiền vay gốc, lãi suất thì trả theo tháng. Sau thời gian vay, bà T1 không trả lãi, đến hạn bà cũng không thanh toán số tiền vay gốc.

Bà N1 có đến đòi nhiều lần nhưng bà T1 lấy lý do khó khăn và không thanh toán nợ cho bà N1. Do đó, bà N1 khởi kiện yêu cầu bà Bùi Thị Kim T1 phải thanh toán cho bà N1 số tiền vay gốc là 280.000.000 đồng (Hai trăm tám

mười triệu đồng) và tiền lãi suất theo mức 1,5%/tháng x 12 tháng (Tính đến tháng 8/2024) thành tiền là 50.400.000 đồng (Năm mươi triệu, bốn trăm nghìn đồng). Tổng số tiền yêu cầu bà T1 phải thanh toán là 330.400.000 đồng (Ba trăm ba mươi triệu, bốn trăm nghìn đồng). Chứng cứ nguyên đơn đưa ra là văn bản vay tiền ngày 10/8/2023 và được bị đơn bà Bùi Thị Kim T1 thừa nhận.

Ý kiến của bị đơn bà Bùi Thị Kim T1 (Có đơn xin vắng mặt), trình bày:

Bà T1 thống nhất lời khai và yêu cầu của bà Lê Thị N, việc vay nợ của bà T1 là đúng. Bà T1 đồng ý thanh toán cho bà N số tiền gốc là 280.000.000 đồng nhưng bà T1 xin thanh toán dần mỗi tháng là 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) cho bà N cho đến khi hết số nợ.

Về phần tiền lãi suất theo mức 1,5%/tháng x 12 tháng (Tính đến tháng 8/2024) thành tiền là 50.400.000 đồng (Năm mươi triệu, bốn trăm nghìn đồng), bà N yêu cầu phải trả đủ nhưng bà T1 không đồng ý thanh toán.

Ý kiến của Vị đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa sơ thẩm:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng quy định pháp luật của người tiến hành tố tụng. Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định pháp luật, hai bên đương sự đều có đơn xin giải quyết vắng mặt. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ thủ tục xét xử theo quy định pháp luật, người tham gia tố tụng là nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình việc Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định tại Điều 227, 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Vụ án được xét xử trong thời hạn luật định. Viện Kiểm sát không kiến nghị, khắc phục gì thêm.

Về quan điểm của Viện Kiểm sát đối với vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn bà Bùi Thị Kim T1 có trách nhiệm thanh toán cho bà Lê Thị N số tiền vay gốc là 280.000.000 đồng (Hai trăm tám mươi triệu đồng) và tiền lãi suất theo mức 1,5%/tháng x 12 tháng (Tính đến tháng 8/2024) thành tiền là 50.400.000 đồng (Năm mươi triệu, bốn trăm nghìn đồng). Tổng cộng bà T1 phải thanh toán là 330.400.000 đồng (Ba trăm ba mươi triệu, bốn trăm nghìn đồng) là có cơ sở chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn khởi kiện của bà Lê Thị N được Tòa án thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26; Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, do bị đơn bà Bùi Thị Kim T1 có nơi cư trú tại thị trấn T, huyện B, tỉnh Bình Dương và đối tượng tranh chấp trong vụ án là nghĩa vụ thanh toán của bị đơn, đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

[2] Việc vắng mặt của các đương sự: Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Lê Thị N và bị đơn bà Bùi Thị Kim T1 đều có đơn xin giải quyết vắng mặt. Do đó, căn cứ Điều 277, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt các đương sự là phù hợp.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tại “Giấy mượn tiền” đề ngày 10/8/2023 thể hiện nội dung bà Bùi Thị Kim T1 có vay của bà Lê Thị N số tiền 280.000.000 đồng (Hai trăm tám mươi triệu đồng); thỏa thuận đến ngày 10/10/2023 thì bà T1 sẽ thanh toán lại số tiền trên; chứng cứ nguyên đơn đưa ra là văn bản vay tiền ngày 10/8/2023, quá trình tố tụng, bà T1 không cung cấp chứng cứ gì mới, không phủ nhận văn bản này, đồng thời, về việc thanh toán nợ cho bà N bà T1 xin thanh toán dần hàng tháng mỗi tháng 5.000.000 đồng nên có đủ căn cứ xác định bị đơn bà T1 có vay tiền của bà N và chưa thực hiện nghĩa vụ thanh toán nên yêu cầu khởi kiện của bà N đối với bà T1 về việc đòi lại số tiền 280.000.000 đồng (Hai trăm tám mươi triệu đồng) là có căn cứ và đây là tình tiết không phải chứng minh theo Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Theo bà N khai khi vay, hai bên thỏa thuận lãi suất bằng văn bản với mức 1,5%/tháng, bị đơn cũng thống nhất. Do đó, HĐXX có cơ sở xác định đây là hợp đồng vay tài sản và có lãi suất theo Điều 463, Điều 468 và Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Về khoản tiền lãi, bà N cho rằng bà T1 không thanh toán lãi suất hàng tháng và không thanh toán tiền vay khi đến hạn; bà T1 cho rằng có trả lãi cho bà N đầy đủ nhưng bà N không thừa nhận, bà T1 không đưa ra được chứng cứ trả lãi nên HĐXX không có cơ sở xem xét. Do bà T1 vi phạm thời hạn và nghĩa vụ thanh toán nên bà N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T1 có trách nhiệm trả khoản nợ gốc 280.000.000 đồng (Hai trăm tám mươi triệu đồng) là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận. Theo đơn khởi kiện, bà N yêu cầu bị đơn thanh toán: Nợ lãi từ ngày 10/8/2023 đến tháng 8/2024 (12 tháng) với số tiền 50.400.000 đồng (Năm mươi triệu, bốn trăm nghìn đồng) mức lãi suất 1,5%/tháng là phù hợp với pháp luật, có căn cứ chấp nhận. Đối với việc bà T1 xin thanh toán dần mỗi tháng 5.000.000 đồng là không có căn cứ chấp nhận.

[5] Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn có căn cứ.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị N được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn bà Bùi Thị Kim T1 phải chịu theo Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 92, Điều 95, Điều 147, Điều 179, Điều 227, Điều 235, Điều 238, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 280, Điều 288, Điều 463, Điều 465, Điều 469, Điều 357, Điều 468, Điều 470 của Bộ luật Dân sự;

- Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị N đối với bà Bùi Thị Kim T1 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

- Buộc bà Bùi Thị Kim T1 có nghĩa vụ thanh toán cho bà Lê Thị N số tiền gốc là 280.000.000 đồng (Hai trăm tám mươi triệu đồng) và tiền lãi suất theo mức 1,5%/tháng x 12 tháng (Tính đến tháng 8/2024) thành tiền là 50.400.000 đồng (Năm mươi triệu, bốn trăm nghìn đồng). Tổng cộng bà T1 phải thanh toán là 330.400.000 đồng (Ba trăm ba mươi triệu, bốn trăm nghìn đồng).

- Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn Bùi Thị Kim T1 phải chịu số tiền 16.520.000 đồng (Mười sáu triệu, năm trăm hai mươi nghìn) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Lê Thị N số tiền 8.260.000 đồng (Tám triệu hai trăm sáu mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số BLTU/23/0003776 ngày 24/5/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bắc Tân Uyên.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bắc Tân Uyên;
- Chi cục THADS huyện Bắc Tân Uyên;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Mạnh Hùng